TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2018 - 2019
BẬC ĐẠI HỌC - KHOA CÔNG NGHỆ THỰC PHẨM - KHÓA 2015

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																										TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
1	DH61500258	Nhiêu Dương Hoàng	Anh	D15_TP01																5.81	6.37	8.00	5.74	5.33		4.55	4.83	7.00	6.38	5.93	113/133	58/67				ĐẠT	DH15
2	DH61500450	Trần Xuân	Bách	D15_TP01																4.88	5.11	5.14	6.11	4.81	5.50	4.95	4.96	6.20	6.08	5.92	117/133	60/67				ĐẠT	DH15
3	DH61502009	Trần Thị Thái	Châu	D15_TP01																5.88	5.74		6.95	6.59	6.00	5.47	5.84		6.85	6.46	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
4	DH61500271	Nguyễn Thị Kim	Cương	D15_TP01																6.19	5.68	9.00	6.00	5.19	8.00	5.37	5.04	5.00	5.72	6.11	120/133	60/67				ĐẠT	DH15
5	DH61502463	Nguyễn Văn Tường	Duy	D15_TP01																5.69	6.74	7.00	6.05	5.52		4.79	5.24		5.88	6.00	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
6	DH61502464	Võ ái	Duy	D15_TP01																5.50	6.74	7.20	6.79	6.95		5.71	5.37		6.46	6.44	127/133	64/67				ĐẠT	DH15
7	DH61500270	Võ Thành	Đạt	D15_TP01																5.19	5.21	4.80	5.95	5.90	6.00	5.32	5.14	5.00	6.58	6.20	123/133	62/67				ĐẠT	DH15
8	DH61500266	Lê Thị Ngọc	Hân	D15_TP01																4.56	6.26	4.80	6.00	5.48	5.00	5.29	5.15	5.50	6.33	5.99	116/133	60/67				ĐẠT	DH15
9	DH61500276	Trần Minh	Hiếu	D15_TP01																4.44	5.47	5.80	5.74	5.00	4.50	5.18	4.96	7.00	5.96	5.79	110/133	56/67				ĐẠT	DH15
10	DH61502465	Trần Dy	Huê	D15_TP01																6.50	6.32	8.00	6.38	5.62	6.00	5.63	5.91	6.00	6.05	6.32	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
11	DH61500110	Bành Nhựt	Hùng	D15_TP01																5.63	7.00	6.40	6.16	5.62	6.00	5.53	6.35		7.08	6.62	129/133	65/67				ĐẠT	DH15
12	DH61500023	Nguyễn Minh	Hùng	D15_TP01																3.50	6.37	6.67	6.00	6.05	8.00	5.42	5.26		5.13	5.98	117/133	60/67				ĐẠT	DH15
13	DH61500451	Nguyễn Thị Kim	Khánh	D15_TP01																5.31	7.16	6.20	5.79	6.10		5.45	5.46	5.00	6.44	6.32	131/133	66/67				ĐẠT	DH15
14	DH61500445	Trịnh Thị Kim	Liên	D15_TP01																5.38	5.79	8.00	7.00	6.62	8.50	5.08	6.42	6.00	7.48	6.81	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
15	DH61500261	Trần Quốc	Lĩnh	D15_TP01																5.38	6.21	5.00	6.63	5.95	5.50	5.06	5.17	7.20	6.22	6.25	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
16	DH61401687	Võ Phương	Loan	D15_TP01													4.88				4.47	5.00	5.48	5.04	5.00	5.00	4.42	7.00	6.19	5.62	116/133	59/67				CB_TGIAN	DH14
17	DH61500106	Dương Quỳnh	Mai	D15_TP01																4.50	5.53	5.40	5.48	5.38	2.00	4.84	4.61	5.60	5.80	5.59	113/133	58/67				ĐẠT	DH15
18	DH61502247	Đoàn Huỳnh ái	Ngọc	D15_TP01																5.63	6.42	5.00	6.21	5.76	5.50	5.05	4.87		6.32	6.13	118/133	60/67				ĐẠT	DH15
19	DH61502467	Nguyễn Trần Chung	Nguyên	D15_TP01																6.31	5.89		5.58	5.24	1.00	4.32	4.87	5.20	5.83	5.74	117/133	59/67				ĐẠT	DH15
20	DH61500264	Nguyễn Trọng	Nhân	D15_TP01																5.31	3.26	4.60	5.81	4.29	4.00	5.32	4.88	6.00	5.96	5.65	107/133	57/67				ĐẠT	DH15
21	DH61409003	Bùi Hiếu	Nhi	D15_TP01																4.58	6.40	6.00	6.56	6.06	6.00	5.80	5.75	6.50	6.91	6.63	134/133	67/67				CB_TGIAN	DH14
22	DH61500260	Dương Thị Quỳnh	Như	D15_TP01																4.06	1.32	0.00	1.05	1.24		0.12	0.90		0.00	1.18	15/133	12/67	BTH	NoHP	KoDKMH	BTH	DH15
23	DH61500449	Trần Thị Quỳnh	Như	D15_TP01																5.31	5.84	5.40	5.32	5.71	5.00	5.50	5.45	4.71	5.76	5.92	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
24	DH61502246	Huỳnh Thị Thảo	Sương	D15_TP01																5.81	6.79	6.00	6.63	6.71		6.35	5.41		6.96	6.50	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
25	DH61500108	Trần Thanh	Tấn	D15_TP01																5.69	5.32	6.00	5.21	5.09	5.00	4.95	5.48	5.00	6.27	5.80	117/133	60/67				ĐẠT	DH15
26	DH61500273	Nguyễn Thông Hồng	Thái	D15_TP01																5.19	5.11	6.40	6.92	5.29	7.00	4.50	5.68	6.00	7.08	6.41	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
27	DH61500268	Trần Nhựt	Thái	D15_TP01																4.38	5.21	6.88	5.74	5.18	6.00	4.95	4.91	6.00	5.88	5.83	116/133	60/67				ĐẠT	DH15
28	DH61500109	La Mỹ	Thanh	D15_TP01																5.56	5.79	4.60	6.05	5.76	5.67	5.80	4.83	7.00	6.04	6.16	116/133	60/67				ĐẠT	DH15
29	DH61502466	Nguyễn Thu	Thảo	D15_TP01																5.94	6.47	6.00	6.42	5.95		5.35	6.22		6.71	6.36	129/133	65/67				ĐẠT	DH15
30	DH61500104	Tống Thị Trúc	Thảo	D15_TP01																5.06	5.42	4.20	6.19	5.00	4.67	4.00	4.04	4.00	5.80	5.43	100/133	52/67				ĐẠT	DH15
31	DH61401245	Lê Thị Ngọc	Thẩm	D15_TP01													4.88	5.53	0.00	5.95	4.50		0.24			4.20	3.47		0.00	4.17	70/133	38/67	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC & CB_TGIAN	DH14
32	DH61502462	Huỳnh Thị Thu	Trang	D15_TP01																6.38	6.58		6.14	5.29	8.00	5.35	5.46	4.00	6.68	6.28	122/133	62/67				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
33	DH61500105	Đoàn Thị Quyền	Trâm	D15_TP01																5.69	6.79	7.00	5.26	4.48	8.00	4.64	4.16	3.00	5.18	5.56	98/133	50/67				ĐẠT	DH15
34	DH61500274	Mai Thị Mỹ	Trinh	D15_TP01																7.06	7.84	9.00	7.21	6.95		6.24	6.63		7.05	7.08	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
35	DH61502248	Nguyễn Nghiêm Minh	Tú	D15_TP01																6.38	6.42		6.21	4.90	6.00	5.29	5.37	6.00	6.64	6.19	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
36	DH61502197	Nguyễn Anh	Tuấn	D15_TP01																6.05	5.89	6.50	6.05	4.62	7.00	5.26	4.32	4.50	6.35	5.84	108/133	57/67				ĐẠT	DH15
37	DH61502461	Nguyễn Thị	Vân	D15_TP01																4.88	5.26	5.40	5.32	4.82	7.33	5.19	4.48	5.00	4.84	5.56	101/133	52/67				ĐẠT	DH15
38	DH61100177	Nguyễn Quốc	Vương	D15_TP01				5.20	5.67	5.60	5.29	5.29		4.48	4.95	4.71	6.18	5.87								4.38	5.53	4.00	5.43	6.16	133/133	69/67				CB_TGIAN	DH11
39	DH61500259	Trương Ngọc Tường	Vy	D15_TP01																5.00	6.37	5.40	5.42	5.14	4.00	5.16	4.81	4.60	5.68	5.73	113/133	58/67				ĐẠT	DH15
40	DH61500965	Diếp Hải	Yến	D15_TP01																4.56	6.26	4.00	6.11	4.48	6.50	4.60	3.72	3.00	5.43	5.47	100/133	52/67				ĐẠT	DH15
41	DH61500703	Huỳnh Thúy	An	D15_TP02																5.69	6.37	5.00	5.74	5.58		5.61	5.86	6.00	6.96	6.24	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
42	DH61500692	Nguyễn Phượng	Anh	D15_TP02																3.94	5.16	5.43	5.85	5.19	5.33	5.37	5.39	4.00	6.25	5.92	117/133	60/67				ĐẠT	DH15
43	DH61502250	Nguyễn Thị Phương	Anh	D15_TP02																6.19	6.58	9.00	6.26	6.29	9.00	6.82	7.21		7.23	6.86	127/133	65/67				ĐẠT	DH15
44	DH61500454	Triệu Gia	Bích	D15_TP02																7.06	7.63	9.00	6.86	6.81		6.94	6.89		7.40	7.16	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
45	DH61500458	Nguyễn Thị	Chọn	D15_TP02																5.81	6.32	5.80	6.32	5.57	7.50	5.88	6.48	6.00	7.04	6.60	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
46	DH61500678	Trần Thị Thanh	Cúc	D15_TP02																5.81	6.21	7.00	6.26	5.48	6.00	5.18	5.92	5.57	6.17	6.27	128/133	64/67				ĐẠT	DH15
47	DH61500698	Lương Quốc	Cường	D15_TP02																5.69	4.58	7.00	5.84	6.10	4.50	5.95	5.54		6.86	6.19	128/133	64/67				ĐẠT	DH15
48	DH61500461	Đinh Thùy	Dương	D15_TP02																7.50	8.47		6.90	7.10		7.00	6.91		7.35	7.35	134/133	67/67				ĐẠT	DH15
49	DH61500695	Lâm Hoàng	Dương	D15_TP02																5.13	4.74	6.40	4.84	4.42	4.50	4.89	5.52	6.00	6.75	5.74	110/133	57/67				ĐẠT	DH15
50	DH61500457	Nguyễn Lê	Đoàn	D15_TP02																6.19	6.95		5.89	6.00	4.00	5.28	5.13	3.50	5.38	5.92	114/133	57/67				ĐẠT	DH15
51	DH61502251	Nguyễn Huỳnh	Đức	D15_TP02																5.94	5.63	7.00	5.95	5.67	8.50	4.76	5.09		5.04	5.93	115/133	58/67				ĐẠT	DH15
52	DH61500681	Nguyễn Tuấn Tô	Giang	D15_TP02																4.63	3.63	5.43	5.89	5.52	4.00	4.76	3.42	8.00	4.67	5.33	89/133	49/67				ĐẠT	DH15
53	DH61500699	Nguyễn Thị Thu	Hằng	D15_TP02																5.06	6.53	5.20	6.11	5.81	7.50	5.21	4.54	5.00	6.21	6.07	116/133	58/67				ĐẠT	DH15
54	DH61500697	Lâm Phạm Gia	Hòa	D15_TP02																6.19	6.47	8.00	6.32	6.24	8.00	6.82	7.23		7.23	6.90	134/133	67/67				ĐẠT	DH15
55	DH61500677	Trần Thị Thanh	Hồng	D15_TP02																6.44	6.84		5.95	5.10		5.47	5.35	6.00	6.46	6.13	123/133	62/67				ĐẠT	DH15
56	DH61500684	Nguyễn Thanh	Huy	D15_TP02																5.25	5.32	7.00	5.84	3.89	4.50	5.18	5.36	6.50	6.58	5.99	120/133	60/67				ĐẠT	DH15
57	DH61500680	Ngô Hồng Trúc	Linh	D15_TP02																6.88	7.16		6.53	5.43	5.00	5.47	5.52	6.00	6.46	6.38	121/133	62/67				ĐẠT	DH15
58	DH61500463	Lê Hoàng	My	D15_TP02																4.25	4.58	4.57	5.33	4.45	4.33	4.95	4.38	5.00	5.42	5.38	109/133	55/67				ĐẠT	DH15
59	DH61500464	Trần Thị Bích	Ngân	D15_TP02																4.56	4.89	5.86	5.11	4.71	4.00	4.88	4.35	3.00	6.46	5.54	110/133	56/67				ĐẠT	DH15
60	DH61500693	Hồ Ngọc Yến	Nhi	D15_TP02																4.69	4.95	5.00	4.89	5.05	5.50	4.95	4.42	4.67	5.50	5.44	103/133	51/67				ĐẠT	DH15
61	DH61500688	Tống Triều Đại	Phước	D15_TP02																4.94	4.84	3.00	6.00	4.75	3.67	4.94	5.04	6.00	6.08	5.63	108/133	56/67				ĐẠT	DH15
62	DH61500452	Trần Lê	Phước	D15_TP02																5.00	6.21	6.20	6.00	5.24		5.35	5.70	7.00	6.00	6.01	120/133	60/67				ĐẠT	DH15
63	DH61500700	Võ Trần Như	Thảo	D15_TP02																4.56	4.47	5.00	5.53	4.38	5.67	5.94	5.78	5.60	7.04	6.13	123/133	63/67				ĐẠT	DH15
64	DH61500702	Lương Thị Kim	Thúy	D15_TP02																5.38	6.53	7.57	5.68	5.14		5.32	5.04	6.00	5.50	5.88	114/133	58/67				ĐẠT	DH15
65	DH61502468	Lê Minh	Tiến	D15_TP02																3.94	6.47	5.29	5.84	4.95	2.60	4.74	5.09	6.00	5.29	5.62	101/133	52/67				ĐẠT	DH15
66	DH61500685	Phạm Trung	Trực	D15_TP02																5.38	3.47	5.20	4.26	3.90	4.67	5.53	5.73	6.00	5.67	5.54	108/133	56/67				ĐẠT	DH15
67	DH61502249	Đặng Thị Thanh	Tuyền	D15_TP02																7.50	8.21		6.89	7.10		7.65	7.37		7.55	7.46	133/133	67/67				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
68	DH61500689	Phan Đỗ Phương	Tuyền	D15_TP02																5.06	5.84	5.60	5.89	5.48	5.00	5.95	5.92	6.00	6.54	6.24	135/133	67/67				ĐẠT	DH15
69	DH61500460	Dương Hoàng	Vinh	D15_TP02																5.38	4.37	6.60	5.74	4.79	5.00	4.68	4.31	6.00	5.58	5.69	115/133	57/67				ĐẠT	DH15
70	DH61500960	Nguyễn Võ Ngọc	Anh	D15_TP03																6.19	7.32		6.21	4.76		5.12	5.00	6.00	5.71	5.86	114/133	58/67				ĐẠT	DH15
71	DH61502470	Trần Thị Mỹ	Duyên	D15_TP03																5.19	6.63	5.40	6.37	5.05	7.00	4.90	4.67		6.42	5.97	115/133	58/67				ĐẠT	DH15
72	DH61500970	Hồ Thị Ngọc	Hân	D15_TP03																7.06	7.74		6.37	5.43		5.53	5.79	7.00	6.71	6.47	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
73	DH61502252	Chiêm Văn	Hiếu	D15_TP03																5.94	5.42	6.00	4.63	3.19	1.00	3.88	5.00	5.00	6.00	5.22	96/133	51/67				ĐẠT	DH15
74	DH61500984	Nguyễn Thị Kim	Hoa	D15_TP03																5.69	6.11	6.40	6.47	6.05	7.00	4.78	5.52	4.00	5.39	6.16	120/133	60/67				ĐẠT	DH15
75	DH61500988	Phan Hồ Kiều	Khanh	D15_TP03																6.00	7.68	6.40	6.63	6.57		6.50	5.95		7.45	6.83	129/133	65/67				ĐẠT	DH15
76	DH61502471	Châu Bảo	Kiệt	D15_TP03																5.56	7.05	7.00	7.26	6.43	8.00	5.76	5.95	7.00	6.50	6.74	130/133	65/67				ĐẠT	DH15
77	DH61502253	Bùi Thị Kim	Liên	D15_TP03																4.75	4.37	4.00	5.74	4.52	6.50	4.89	3.96	1.20	0.13	4.31	76/133	38/67	CCHV_2			CCHV	DH15
78	DH61500991	Nguyễn Phạm Hồng	Liên	D15_TP03																5.75	5.84	6.00	6.42	5.32	5.00	4.88	4.39	4.00	4.85	5.54	107/133	55/67				ĐẠT	DH15
79	DH61502564	Trương Phùng Hạnh	Mỹ	D15_TP03																6.25	7.63		7.11	6.52		6.06	6.62		7.32	6.86	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
80	DH61500983	Huỳnh Thị ánh	Ngọc	D15_TP03																5.94	6.42	6.00	6.11	5.43	4.50	4.53	4.96	5.00	6.19	6.02	118/133	60/67				ĐẠT	DH15
81	DH61500978	Nguyễn Thị Yến	Nhi	D15_TP03																5.50	6.26	4.40	6.74	4.67	8.00	5.18	5.35	8.00	6.44	6.17	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
82	DH61500975	Trần Thị Tuyết	Nhung	D15_TP03																7.31	7.58		6.89	6.52		6.29	7.10		6.56	6.98	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
83	DH61500986	Lý Phượng	Như	D15_TP03																5.25	5.84	5.00	6.00	5.05	8.00	4.53	4.64	5.00	5.19	5.69	111/133	57/67				ĐẠT	DH15
84	DH61500982	Nguyễn Thị Huỳnh	Như	D15_TP03																6.00	8.00		6.90	6.05		5.42	5.92		6.38	6.56	127/133	63/67				ĐẠT	DH15
85	DH61500966	Đặng Tuyết Quỳnh	Phương	D15_TP03																4.88	6.05	6.43	6.26	5.38	4.50	4.76	4.00	3.50	5.52	5.71	108/133	54/67				ĐẠT	DH15
86	DH61500990	Trương Ngọc Như	Quỳnh	D15_TP03																5.63	6.58	4.80	6.16	5.05	7.50	5.17	4.09	4.50	5.48	5.74	111/133	57/67				ĐẠT	DH15
87	DH61500980	Nguyễn Hoàng	Sơn	D15_TP03																5.19	7.47	5.20	5.70	5.38	1.75	2.74	4.48		6.52	5.70	102/133	53/67				ĐẠT	DH15
88	DH61500708	Nguyễn Trần Hoài	Sơn	D15_TP03																5.69	5.63	4.00	6.58	5.95	5.00	5.65	7.00	6.00	6.74	6.52	123/133	63/67				ĐẠT	DH15
89	DH61502254	Nguyễn Thiện	Tâm	D15_TP03																6.25	6.53		5.95	4.95	7.00	5.29	6.17	5.00	6.67	6.28	127/133	64/67				ĐẠT	DH15
90	DH61500993	Đặng Thị Minh	Thật	D15_TP03																5.75	6.95		6.63	5.38	6.00	5.00	4.74		5.11	5.91	120/133	61/67				ĐẠT	DH15
91	DH61500707	Nguyễn Thị Anh	Thư	D15_TP03																5.13	5.68	5.60	6.37	5.04	7.50	4.88	4.61		5.46	5.88	119/133	59/67				ĐẠT	DH15
92	DH61500967	Nguyễn Thị Kim	Thư	D15_TP03																4.44	5.58	0.00	5.95	4.33	6.60	4.25	4.28	7.11	6.07	5.68	107/133	55/67				ĐẠT	DH15
93	DH61500962	Nguyễn Thanh	Toàn	D15_TP03																6.50	6.47		6.32	4.81	0.00	4.33	5.26	4.00	5.70	5.90	115/133	59/67				ĐẠT	DH15
94	DH61500969	Đinh Thị Như	Trang	D15_TP03																4.69	6.05	7.67	6.32	5.08	7.00	4.57	4.79	5.00	6.34	6.09	122/133	61/67				ĐẠT	DH15
95	DH61500994	Lê Thị Thùy	Trang	D15_TP03																5.88	7.32	7.00	6.68	6.76		5.65	5.79		6.44	6.53	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
96	DH61500985	Lê Hữu	Trí	D15_TP03																5.50	5.47	4.20	5.68	4.33	4.00	5.24	5.19	5.33	6.29	5.70	110/133	56/67				ĐẠT	DH15
97	DH61502469	Lâm Thị Diễm	Trinh	D15_TP03																6.94	6.74		6.89	6.10	4.00	5.22	6.48	6.00	6.88	6.79	135/133	67/67				ĐẠT	DH15
98	DH61500974	Ngô Thị Mộng	Trúc	D15_TP03																5.00	5.42	3.50	5.68	4.36	5.50	3.83	4.25	5.00	5.14	5.25	98/133	49/67				ĐẠT	DH15
99	DH61500963	Phạm Thị Phương	Trúc	D15_TP03																4.19	5.32	3.80	5.05	4.10	2.00	3.18	2.04		4.38	4.30	59/133	32/67				ĐẠT	DH15
100	DH61500964	Đặng Minh	Tuấn	D15_TP03																5.81	4.84	5.00	6.11	3.81	3.50	4.65	4.24		5.71	5.30	102/133	52/67				ĐẠT	DH15
101	DH61502565	Võ Thị Như	Xuân	D15_TP03																5.19	6.37	5.60	6.11	4.71	6.50	5.16	4.21	5.00	5.77	5.78	107/133	55/67				ĐẠT	DH15
102	DH61500989	Bùi Ngọc	Yến	D15_TP03																5.13	5.95	3.40	5.53	4.33	4.09	3.55	3.42	0.00	0.00	4.14	74/133	39/67	CCHV_3	NoHP	KoDKMH	DC	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
103	DH61501287	Bùi Thanh	Bình	D15_TP04																4.94	6.79	6.00	6.27	5.57	6.50	4.95	5.32	7.00	5.67	6.15	115/133	58/67				ĐẠT	DH15
104	DH61501295	Thái Ngọc Minh	Châu	D15_TP04																5.69	6.16	3.20	6.53	5.00	6.00	5.26	5.15	2.40	5.92	6.01	107/133	57/67				ĐẠT	DH15
105	DH61501296	Lê Thị Kim	Chi	D15_TP04																5.56	5.84	8.00	5.74	5.95	6.00	5.41	5.81	7.29	6.88	6.59	123/133	62/67				ĐẠT	DH15
106	DH61501275	Phạm Minh	Chiến	D15_TP04																5.94	5.84		5.95	5.14	5.00	5.06	5.22	5.00	6.35	6.01	124/133	63/67				ĐẠT	DH15
107	DH61501560	Trương Thị Ngọc	Hà	D15_TP04																7.63	8.11		7.16	6.90		5.94	6.33	7.00	7.08	7.18	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
108	DH61501268	Nguyễn Thị Phúc	Hạnh	D15_TP04																5.56	6.79	6.00	5.89	5.81	5.00	5.12	6.30	6.00	6.31	6.33	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
109	DH61501270	Huỳnh Ngọc	Hân	D15_TP04																5.63	6.89	7.20	6.16	6.09		5.35	6.04	6.00	6.50	6.51	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
110	DH61500998	Trịnh Thị	Hoa	D15_TP04																6.06	6.05	8.00	6.32	6.10	6.50	5.74	6.24		6.73	6.63	131/133	66/67				ĐẠT	DH15
111	DH61501286	Lê Thị Hồng	Khánh	D15_TP04																4.50	5.63	5.43	5.68	5.19	5.67	4.29	4.71	6.00	6.00	5.68	115/133	59/67				ĐẠT	DH15
112	DH61500995	Trần Thị Mỹ	Linh	D15_TP04																6.56	7.37		7.05	6.00		5.35	6.58		6.27	6.57	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
113	DH61501266	Đàm Phương	Nam	D15_TP04																4.38	4.84	3.29	5.53	4.83	5.13	4.41	4.09	3.11	5.50	5.31	86/133	46/67				ĐẠT	DH15
114	DH61501289	Trương Trọng Bảo	Ngân	D15_TP04																5.75	6.00		6.11	5.00	7.00	4.47	5.09	6.00	5.85	5.84	114/133	58/67				ĐẠT	DH15
115	DH61501267	Thái	Ngọc	D15_TP04																4.75	5.47	2.40	5.76	4.77	6.57	5.35	4.73	6.63	6.92	6.12	119/133	61/67				ĐẠT	DH15
116	DH61501269	Cao Thị Huỳnh	Như	D15_TP04																5.19	5.74	6.00	6.26	5.64		5.12	6.19	7.00	6.79	6.54	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
117	DH61501290	Phạm Thành	Phúc	D15_TP04																6.13	6.79		6.65	5.57	8.00	5.24	5.37	6.00	6.15	6.35	127/133	64/67				ĐẠT	DH15
118	DH61501274	Lê Minh	Phương	D15_TP04																5.13	6.16	4.83	6.05	4.71	4.20	4.76	3.87	5.00	5.42	5.38	100/133	53/67				ĐẠT	DH15
119	DH61502361	Nguyễn Thị Trúc	Phương	D15_TP04																6.00	6.89		6.79	5.71		5.06	5.76		6.65	6.40	126/133	63/67				ĐẠT	DH15
120	DH61502131	Nguyễn Thị	Rỉ	D15_TP04																7.13	8.37		7.21	7.05		5.78	6.95		6.83	7.15	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
121	DH61501292	Trần Văn	Tân	D15_TP04																8.06	7.95		7.16	7.14		6.88	7.32		6.50	7.29	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
122	DH61501281	Hồ Tất	Thanh	D15_TP04																6.44	6.32		6.47	5.50		5.35	6.48	7.00	6.73	6.45	134/133	67/67				ĐẠT	DH15
123	DH61500997	Nguyễn Thị	Thảo	D15_TP04																4.56	5.63	4.40	5.21	4.62		4.71	5.40	7.86	6.41	5.87	119/133	61/67				ĐẠT	DH15
124	DH61501293	Nguyễn Huy	Thịnh	D15_TP04																7.31	7.05		6.37	5.71		5.35	2.39		5.75	5.68	99/133	52/67				ĐẠT	DH15
125	DH61502360	Nguyễn Văn	Thịnh	D15_TP04																5.00	5.79	7.00	6.53	4.90		4.06	4.76	7.00	5.69	5.76	115/133	59/67				ĐẠT	DH15
126	DH61501276	Bùi Thị Cẩm	Tiên	D15_TP04																4.13	5.11	5.57	5.63	5.43	6.63	4.76	5.08	6.00	6.00	5.81	114/133	59/67				ĐẠT	DH15
127	DH61501559	Nguyễn Thanh	Trà	D15_TP04																5.00	5.79	5.00	6.37	5.19	4.50	4.71	4.92	7.00	6.08	5.80	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
128	DH61501284	Thương Thiên	Trang	D15_TP04																4.88	5.42	3.40	5.68	4.33	5.38	4.24	3.87	4.80	4.89	5.14	93/133	49/67				ĐẠT	DH15
129	DH61501288	Võ Huỳnh Vi	Trâm	D15_TP04																5.50	6.42	4.00	6.53	5.05	8.00	5.21	6.00	6.25	6.89	6.62	124/133	63/67				ĐẠT	DH15
130	DH61501280	Huỳnh Thị Thanh	Trúc	D15_TP04																5.25	6.32	6.00	6.37	5.48	6.00	5.33	5.96	5.00	6.79	6.34	130/133	65/67				ĐẠT	DH15
131	DH61500999	Lê Thành	Trung	D15_TP04																5.38	6.16	3.67	5.79	4.38	7.00	4.00	3.96	4.40	4.82	5.41	106/133	55/67				ĐẠT	DH15
132	DH61501272	Nguyễn Thị Thanh	Tú	D15_TP04																5.69	6.37		6.37	5.57	4.00	5.47	5.58	7.00	6.48	6.19	126/133	63/67				ĐẠT	DH15
133	DH61501279	Trịnh Ngọc	Tuyền	D15_TP04																5.00	6.95	6.33	6.53	5.33	6.00	5.71	4.96		6.23	6.19	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
134	DH61501581	Nguyễn Ngọc	Biên	D15_TP05																4.94	6.53	5.86	6.47	5.81		5.06	5.71	6.00	6.35	6.18	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
135	DH61501600	Bùi Trần Quỳnh	Chi	D15_TP05																6.50	8.05		6.84	6.27		6.35	7.50	6.00	7.92	7.22	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
136	DH61502363	Phan Thị Mộng	Chinh	D15_TP05																5.50	5.63	9.00	5.71	4.57	6.00	4.76	5.83		6.67	5.99	114/133	59/67				ĐẠT	DH15
137	DH61502132	Trần Thị Ngọc	Diễm	D15_TP05																6.38	7.79		7.11	6.33		5.71	7.11	7.00	6.96	6.93	133/133	68/67				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
138	DH61502133	Đoàn Thị Mỹ	Dung	D15_TP05																5.75	8.00	9.00	6.37	5.43		6.05	6.04	5.00	6.52	6.61	129/133	65/67				ĐẠT	DH15
139	DH61501585	Nguyễn Thị Kiều	Dung	D15_TP05																5.38	5.95	5.00	6.05	5.76	6.50	5.17	6.24		7.00	6.30	123/133	63/67				ĐẠT	DH15
140	DH61501579	Võ Ngọc	Hà	D15_TP05																4.69	6.05	5.20	5.47	4.57	4.00	4.59	4.42	4.00	5.48	5.38	95/133	51/67				ĐẠT	DH15
141	DH61501586	Nguyễn Thị Thanh	Hằng	D15_TP05																6.50	7.84	8.00	6.84	6.14		6.76	7.04		7.86	7.26	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
142	DH61501590	Phan Nguyễn Thu	Hiền	D15_TP05																5.00	5.63	4.60	5.84	4.52	6.00	4.90	5.68	6.00	6.33	5.87	117/133	59/67				ĐẠT	DH15
143	DH61501566	Nguyễn Văn Bảo	Huy	D15_TP05																4.13	6.32	4.71	5.52	4.14	5.00	4.24	4.92	5.50	5.81	5.51	110/133	57/67				ĐẠT	DH15
144	DH61501567	Hứa Thùy	Linh	D15_TP05																4.81	5.58	5.71	6.16	5.19	6.00	5.47	5.48	5.00	6.56	6.08	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
145	DH61501601	Võ Ngọc Thanh	Mai	D15_TP05																7.63	8.11		7.21	6.71		6.47	7.50	7.00	7.83	7.43	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
146	DH61501562	Phạm Thị Diễm	Mi	D15_TP05																5.81	7.68	10.00	7.05	6.00		5.24	6.79	6.00	7.12	6.83	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
147	DH61501578	Phan Vủ	Minh	D15_TP05																4.94	4.89	2.00	5.84	4.62	3.50	4.53	5.08	5.60	5.96	5.51	114/133	59/67				ĐẠT	DH15
148	DH61501593	Vũ Thanh	Ngọc	D15_TP05																5.81	6.16	7.00	6.21	5.38	6.00	5.41	5.67		6.76	6.16	128/133	65/67				ĐẠT	DH15
149	DH61501599	Bùi Hoàng Minh	Nhật	D15_TP05																5.13	5.37	4.60	6.42	6.14	6.00	5.12	6.52	7.20	6.00	6.40	134/133	67/67				ĐẠT	DH15
150	DH61500976	Huỳnh Thị Tuyết	Nhung	D15_TP05																7.56	7.95		7.21	5.95		5.65	6.89		6.91	6.90	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
151	DH61501569	Bùi Trần Quỳnh	Như	D15_TP05																4.88	6.21	4.00	6.00	5.29	7.00	5.47	5.88	5.00	6.29	6.15	130/133	65/67				ĐẠT	DH15
152	DH61501938	Huỳnh Thị	Như	D15_TP05																5.94	6.58		6.58	5.86	9.00	5.53	6.38		7.42	6.62	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
153	DH61501564	Lâm Hồng	Phong	D15_TP05																4.75	5.32		5.68	4.14		4.42	5.15	5.60	5.86	5.48	110/133	58/67				ĐẠT	DH15
154	DH61501596	Vũ Anh	Thư	D15_TP05																5.06	6.63	4.00	6.53	5.52	6.00	5.18	4.79	5.00	6.42	5.99	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
155	DH61501594	Bùi Đức	Trí	D15_TP05																7.06	8.37		6.63	5.38		5.71	6.48		6.13	6.62	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
156	DH61501583	Phạm Thị Lệ	Trinh	D15_TP05																6.81	7.84		6.79	5.48		5.89	6.25	6.00	6.32	6.61	134/133	67/67				ĐẠT	DH15
157	DH61502364	Trần Thị ánh	Tuyết	D15_TP05																6.75	7.37		7.05	5.71		5.47	6.14	5.50	6.65	6.61	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
158	DH61501582	Huỳnh Vũ Triết	Văn	D15_TP05																5.19	6.00	5.40	6.37	5.62	5.50	5.28	5.89	6.00	6.29	6.17	125/133	64/67				ĐẠT	DH15
159	DH61501846	Nguyễn Ngọc Bảo	An	D15_TP06																6.75	6.47		6.11	5.24		5.18	5.13	5.00	6.21	5.98	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
160	DH61501623	Nguyễn Quốc	Bảo	D15_TP06																6.69	7.00		5.89	5.76	10.00	6.00	6.38	6.00	6.65	6.57	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
161	DH61501613	Vỏ Thị Kim	Chung	D15_TP06																6.00	6.63	5.00	6.11	5.00	8.00	6.06	6.08	5.00	7.00	6.49	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
162	DH61502126	Ngô Thảo	Dương	D15_TP06																6.38	7.21		7.30	6.81	8.00	6.29	6.26	7.00	7.86	7.11	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
163	DH61501612	Huỳnh Quí	Giàu	D15_TP06																5.94	7.05		7.05	5.67		5.12	6.38	7.00	7.93	6.90	132/133	66/67				ĐẠT	DH15
164	DH61502366	Hồ Thị	Hà	D15_TP06																6.25	7.05		7.05	6.50		6.06	6.13	5.00	7.14	6.79	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
165	DH61502125	Trần Huỳnh Bảo	Hạnh	D15_TP06																6.63	6.53		6.37	5.43		5.94	5.96		6.79	6.38	131/133	66/67				ĐẠT	DH15
166	DH61502127	Lê Minh	Hoàng	D15_TP06																7.38	7.95		7.05	5.86		6.18	6.53		7.14	6.86	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
167	DH61501625	Phạm Thị Thiên	Hương	D15_TP06																6.25	7.74		6.84	5.48		6.12	6.00		6.75	6.56	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
168	DH61502122	Đặng Thị Trúc	Linh	D15_TP06																5.75	5.05	6.00	6.37	5.38	7.00	4.94	4.92	6.00	6.16	6.12	119/133	61/67				ĐẠT	DH15
169	DH61502124	Lê Thị Cẩm	Linh	D15_TP06																7.06	8.42		7.00	7.29		6.33	7.53	7.00	7.86	7.47	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
170	DH61501996	Nguyễn Đình Tường	Linh	D15_TP06																6.00	7.68	8.00	6.74	6.00		5.88	6.81	6.00	6.68	6.74	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
171	DH61501609	Đỗ Minh	Luân	D15_TP06																5.69	6.26	7.00	5.68	5.05	8.00	6.00	6.04	5.00	7.27	6.38	130/133	66/67				ĐẠT	DH15
172	DH61501610	Nguyễn Thị Tiểu	My	D15_TP06																4.81	5.32	5.00	6.42	5.00		5.65	5.63	5.50	6.50	5.95	118/133	61/67				ĐẠT	DH15

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ																									TÍCH LŨY			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ CUỐI HỌC KỲ 1 (2018 - 2019)				KHÓA TUYỂN SINH
					101	102	103	111	112	113	121	122	123	131	132	133	141	142	143	151	152	153	161	162	163	171	172	173	181	ĐIỂM TB	TÍN CHỈ	MÔN HỌC	HỌC TẬP	HỌC PHÍ	ĐKMH	HÌNH THỨC XỬ LÝ	
173	DH61502129	Lê Kim	Ngân	D15_TP06																5.50	6.05	7.00	6.47	5.57	7.50	5.12	5.14	5.00	6.33	6.14	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
174	DH61501575	Nguyễn Thị Thúy	Ngân	D15_TP06																4.31	5.42	5.00	5.68	4.38	4.50	4.53	5.05	4.13	5.77	5.20	99/133	51/67				ĐẠT	DH15
175	DH61501607	Trương Tuyết	Ngân	D15_TP06																6.75	6.89		6.05	5.57	7.00	5.65	5.65	5.00	5.35	6.20	120/133	61/67				ĐẠT	DH15
176	DH61502119	Phạm Thị Kim	Ngọc	D15_TP06																6.69	7.74		6.84	5.67		6.18	6.24	6.00	7.45	6.77	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
177	DH61502123	Trần Hồng	Ngọc	D15_TP06																5.25	6.05	0.00	6.37	5.29	7.00	5.24	5.54	5.00	6.21	6.17	122/133	61/67				ĐẠT	DH15
178	DH61501622	Đinh Nguyễn Thúy	Nhi	D15_TP06																4.88	6.32	5.20	6.53	5.05	7.00	5.82	5.19	5.00	7.32	6.15	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
179	DH61502130	Trần Thị Yến	Nhi	D15_TP06																5.06	6.63	3.86	5.63	5.00	8.00	4.82	5.56	5.20	6.48	6.14	122/133	62/67				ĐẠT	DH15
180	DH61502367	Nguyễn Hoài	Phong	D15_TP06																6.69	6.68		6.16	4.43		5.50	4.92		1.50	5.09	96/133	49/67	CCHV_1			CCHV	DH15
181	DH61502120	Nguyễn Hoàng	Phước	D15_TP06																5.56	6.11	5.40	6.42	5.14	6.00	4.71	5.35	5.00	5.76	5.91	120/133	61/67				ĐẠT	DH15
182	DH61501997	Nguyễn Như	Phương	D15_TP06																6.50	6.95		6.11	6.41		6.55	7.92	7.33	8.08	7.38	136/133	67/67				ĐẠT	DH15
183	DH61501608	Nguyễn Thị Như	Quỳnh	D15_TP06																5.00	6.32	5.17	6.16	5.05	6.50	4.65	5.00	6.00	6.29	5.87	112/133	57/67				ĐẠT	DH15
184	DH61501621	Nguyễn Sơn	Thông	D15_TP06																6.06	7.05		6.63	5.62	6.00	5.59	6.05	5.00	6.88	6.46	126/133	64/67				ĐẠT	DH15
185	DH61502037	Hồ Thị Thanh	Thúy	D15_TP06																7.19	8.21		7.32	6.43		6.82	7.42		7.36	7.25	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
186	DH61501604	Nguyễn Huỳnh Anh	Thư	D15_TP06																6.19	7.26		6.89	5.95	9.00	5.76	6.24	6.00	7.13	6.83	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
187	DH61502038	Lê Thị Anh	Thy	D15_TP06																6.44	7.37		6.74	6.33		5.41	5.21		7.04	6.49	123/133	63/67				ĐẠT	DH15
188	DH61501624	Nguyễn Anh	Toàn	D15_TP06																4.56	4.89	5.00	6.00	4.48	5.50	4.94	5.42	2.50	6.12	5.68	114/133	59/67				ĐẠT	DH15
189	DH61501995	Nguyễn Thụy Ngọc	Trâm	D15_TP06																4.75	7.16	7.57	6.84	5.86	5.00	5.71	6.00	5.00	6.14	6.43	125/133	64/67				ĐẠT	DH15
190	DH61501617	Cao Chánh	Tuấn	D15_TP06																5.81	6.47		6.39	5.81	8.50	5.94	5.53		6.68	6.53	133/133	67/67				ĐẠT	DH15
191	DH61501615	Nguyễn Thùy ánh	Tuyết	D15_TP06																6.06	7.05		6.47	4.86		5.29	5.00	6.00	6.52	6.06	119/133	61/67				ĐẠT	DH15
192	DH61501614	Đỗ Quang Khánh	Uyên	D15_TP06																5.81	6.11	4.20	5.47	4.62	8.00	4.89	4.70	6.00	5.00	5.70	97/133	51/67				ĐẠT	DH15
193	DH61501620	Nguyễn Thị Thúy	Vân	D15_TP06																4.06	5.53	4.60	5.21	4.43	4.67	4.35	4.87	4.64	4.75	5.22	91/133	46/67				ĐẠT	DH15
194	DH61502368	Nguyễn Thị Như	ý	D15_TP06																6.19	8.05		6.36	5.43		5.65	5.83	6.00	6.26	6.49	128/133	65/67				ĐẠT	DH15
195	DH61501616	Nguyễn Châu Hải	Yến	D15_TP06																6.50	7.74	8.00	6.68	6.24		6.11	6.29	6.00	6.68	6.78	131/133	66/67				ĐẠT	DH15
196	DH61501605	Nguyễn Thị Hồng	Yến	D15_TP06																6.25	6.84		6.63	5.62	8.00	5.18	6.10	5.50	6.59	6.40	128/133	65/67				ĐẠT	DH15

Lưu ý : **- Điểm trung bình được tính đến ngày 19/03/2019.**
- Phòng Đào tạo nhận đơn và giải quyết các vấn đề học vụ trong khoảng thời gian từ Thứ Ba, ngày 26/03/2019 đến hết Thứ Năm, ngày 28/03/2019.
- Quá thời hạn nêu trên Nhà trường sẽ xử lý học vụ theo quy định.

Qui ước :

(1) NoHP:	Nợ học phí	(2) KoDKMH:	Không đăng ký môn học	(3) CCHV:	Cảnh cáo học vụ về kết quả học tập
(4) BTH:	Buộc thôi học	(5) CB_BTH:	Cảnh báo buộc thôi học	(6) CB_TGIAN:	Cảnh báo hết thời gian học tập
(7) DC:	Đình chỉ học tập	(8) TH_QHAN:	Xóa tên vì hết thời gian học tập	(9) NGHIHOC:	Nghỉ học vì lý do cá nhân
(10) TDUNG:	Tạm dừng vì lý do cá nhân	(11) DC & CB_TGIAN:	Đình chỉ học tập và Cảnh báo hết thời gian học tập theo khóa tuyển sinh		

Tp. HCM, ngày 22 tháng 03 năm 2019

NGƯỜI LẬP BẢNG	TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO	HIỆU TRƯỞNG
(Đã ký)	(Đã ký)	(Đã ký tên và đóng dấu trường)
Nguyễn Thị Minh Trúc	**ThS. Lê Thị Ngọc Phượng**	**PGS, TS. Cao Hào Thi**